TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 311/2024/HC-PT
Ngày: 31/7/2024
V/v:"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Thái

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc thông

Ông Lê Tự

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thẩm tra viên Tòa án cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Vinh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý 98/2024/TLPT-HC ngày 11 tháng 4 năm 2024 về *"Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính về lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 202/2023/HC-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1429/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Bà Phạm Thị H, sinh năm 1930; địa chỉ: Khối phố C, phường A, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Duy T; địa chỉ: Số A T, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Chí D - Phó Chủ tịch. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:
+ Ông Nguyễn Như N - Phó Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có đơn xin xét xử vắng mặt.
+ Ông Nguyễn Phước N1 - Công chức Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, tỉnh Quảng Nam. Vắng mặt.
2. Văn phòng Đ.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn C - Phó Giám đốc. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện trình bày:
Bà Phạm Thị H có quyền sử dụng đối với thửa đất số 510, tờ bản đồ số 19, diện tích 278,6m², mục đích sử dụng đất: ONT tại thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Năm 2022, bà H lập thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (Viết tắt là GCNQSDĐ) đối với thửa đất nêu trên nộp tại Chi nhánh Văn phòng Đ (Viết tắt là CNVPĐKĐĐ) Núi Thành. Nhưng hiện tại Chi nhánh V và Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N chuyển trả hồ sơ với nội dung: "*Qua kiểm tra, nhận thấy một số hồ sơ được lập chưa đảm bảo quy định của pháp luật đất đai năm 2013, các Nghị định số 43/2014 ngày 15/5/2014 và Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Việc áp dụng quy định của pháp luật trong cấp GCNQSDĐ có liên quan đến việc xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, chưa đủ cơ sở để trình UBND huyện cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất*" theo Công văn số 11/TNMT ngày 11/01/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N và P chuyển trả hồ sơ số 13/PCT-CNVPĐK ngày 16/5/2023 của Chi nhánh V.
Thửa đất số 510, tờ bản đồ số 19, diện tích 278,6m², mục đích sử dụng đất: ONT tại thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam được vợ chồng bà H làm nhà sinh sống, sử dụng đất ổn định và liên tục từ năm 1997 đến nay. Ngày 26/3/2012, chồng bà H là ông Nguyễn Sơn T1 chết, bà H là người thụ hưởng phần di sản thừa kế của ông T1 để lại, việc mở thừa kế được chính quyền địa phương chứng nhận theo đúng quy định của pháp luật. Nay bà H lập thủ tục đăng ký cấp GCNQSDĐ đầy đủ thành phần hồ sơ và đã được Ủy ban nhân dân (UBND) xã T chứng nhận đảm bảo theo đúng quy định tại khoản 2 Điều

101 Luật Đất đai và khoản 2 Điều 70, Điều 20 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Quá trình sử dụng đất bà H đã kê khai, đăng ký với chính quyền địa phương đầy đủ và đảm bảo thủ tục. Nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất được Chính phủ quy định rõ từng thời điểm thu tiền sử dụng đất tại Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Việc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N không nêu rõ hồ sơ của bà H vi phạm điều cấm của pháp luật để bà H biết và thực hiện mà chuyển trả hồ sơ của bà H làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích của bà H. Chi nhánh VPĐKĐĐ Núi Thành căn cứ vào văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N chuyển trả hồ sơ đăng ký cấp GCNQSDĐ cho bà H là không đúng quy định của pháp luật.

Do đó, bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Phiếu chuyển trả hồ sơ số 13/PCT-CNVPĐK ngày 16/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ;

- Buộc Văn phòng Đ và Ủy ban nhân dân huyện N tiếp nhận lại hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị H *(theo Phiếu chuyển trả hồ sơ số 13/PCT-CNVPĐK ngày 16/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ và Công văn số 11/TNMT ngày 11/01/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N về việc chuyển trả các hồ sơ cấp GCNQSDĐ liên quan đến áp dụng quy định của pháp luật và xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất)* và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H đối với thửa đất số 510, tờ bản đồ số 19, diện tích 278,6m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn tại thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

Theo Công văn số 1043/VPĐKĐĐ-ĐK ngày 07/9/2023 Văn phòng Đ có ý kiến như sau:

Ngày 14/12/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 510, tờ bản đồ số 19, diện tích 278,6m^2 mục đích sử dụng: đất ở tại nông thôn, địa chỉ thửa đất tại thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam của bà Phạm Thị H do Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả huyện N chuyển đến.

Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng Đ đã kiểm tra, rà soát hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị H do UBND xã T xác nhận nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, tình trạng tranh chấp sử dụng đất sự phù hợp với quy hoạch. Ngày 22/12/2022, Chi nhánh

Văn phòng Đ đã xác nhận vào Đơn đề nghị đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng tại Mục III với nội dung: *"Theo hồ sơ, đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo khoản 3 và khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Điều 99 Luật Đất đai năm 2013"* theo quy định tại Điều 99, Điều 101 Luật Đất đai năm 2013; Điều 22 và khoản 3 Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và chuyển hồ sơ đến Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N xem xét, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H theo đúng thẩm quyền.

Ngày 11/01/2023, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N có Công văn số 11/TNMT chuyển trả hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị H với lý do: *"Việc áp dụng quy định pháp luật trong cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có liên quan đến việc xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 45/2015/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, chưa đủ cơ sở để trình UBND huyện cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng đất"*. Do vậy, Chi nhánh Văn phòng Đ phải lập Phiếu chuyển trả hồ sơ số 13/PC-CNVPĐK trả hồ sơ cho bà Phạm Thị H theo nội dung chuyển trả của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N tại Công văn số 11/TNMT ngày 11/01/2023.

Từ những nội dung trên, Chi nhánh Văn phòng Đ đã tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị H và đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục và chức năng, nhiệm vụ. Việc thẩm định hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân thuộc thẩm quyền của UBND huyện N, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N, Chi nhánh Văn phòng Đ tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cho công dân theo thủ tục hành chính do UBND tỉnh Q quy định.

Theo Công văn số 2983/UBND-TNMT ngày 25/12/2023 UBND huyện N có ý kiến như sau:

Năm 2022, bà Phạm Thị H lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất số 510, tờ bản đồ số 19, diện tích 278,6m^2, loại đất ở nông thôn tại thôn H, xã T, huyện N. Hồ sơ thể hiện, nguồn gốc sử dụng đất là do ông Nguyễn Sơn T1 và bà Phạm Thị H khai hoang để làm nhà ở từ năm 1997; đến năm 2012, ông Nguyễn Sơn T1 chết, bà Phạm Thị H nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số chứng thực 43/2022.

Theo hồ sơ 64/CP xã T được Sở Địa chính tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng phê duyệt ngày 05/10/1995 thể hiện, vị trí thửa đất xin cấp GCNQSDĐ thuộc thửa đất số 104, tờ bản đồ 10, diện tích 4.130m^2, trong đó bà Đoàn Thị K kê khai đăng ký với diện tích 240m^2, loại đất rừng trồng (RT/G); ông Phạm Thanh S kê khai đăng ký với diện tích 884m^2, loại đất rừng trồng (RT/G); phần diện tích còn lại chưa phân phối sử dụng do UBND xã kê khai đăng ký với diện tích 3.006m^2, loại đất hoang (Hg). Như vậy, ông Nguyễn Sơn T1 và bà Phạm Thị H không có kê khai đăng ký, đứng tên chủ sử dụng đất theo hồ sơ 64/CP tại thửa đất số 104, tờ bản đồ 10.

Theo hồ sơ cơ sở dữ liệu xã T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt ngày 20/11/2015 thể hiện, hộ bà Phạm Thị H đứng tên tại thửa đất số 510, tờ bản đồ số 19, diện tích 327,9m^2, loại đất ONT + CLN.

Tiếp nhận hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của bà Phạm Thị H, UBND xã T thực hiện trình tự, thủ tục liên quan và xác nhận đơn xin cấp GCNQSDĐ vào ngày 12/12/2022. Ngày 22/12/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ kiểm tra, xác nhận với nội dung: *"Theo hồ sơ, đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo khoản 3, khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014 và Điều 99 Luật Đất đai năm 2013"*. Theo xác nhận của Chi nhánh Văn phòng Đ thì trường hợp sử dụng đất của bà Phạm Thị H có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014.

Tiếp nhận hồ sơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N thẩm định hồ hồ sơ. Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các quy định của pháp luật cũng như nội dung xác nhận của Chi nhánh Văn phòng Đ, Phòng T ban hành Công văn số 11/TNMT ngày 11/01/2023 về việc chuyển trả các hồ sơ cấp GCNQSDĐ liên quan đến áp dụng quy định pháp luật và xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất; theo đó, chuyển trả hồ sơ của bà Phạm Thị H để UBND xã T thực hiện việc kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính (Chiếm đất) trước khi trình hồ sơ đề nghị UBND huyện xem xét cấp GCNQSDĐ cho bà Phạm Thị H.

Việc chuyển trả hồ sơ trên cơ sở quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai (lấn, chiếm đất). Do đó, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N chuyển trả hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của bà Phạm Thị H là có cơ sở, đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xem xét không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 202/2023/HC-ST ngày 26/12/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 348 Luật Tố tụng hành chính năm 2015; Điều 99 Luật Đất đai năm 2013; khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

[1] Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị H về yêu cầu:

- Hủy Phiếu chuyển trả hồ sơ số 13/PCT-CNVPĐK ngày 16/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ;
- Buộc Văn phòng Đ và Ủy ban nhân dân huyện N tiếp nhận lại hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị H *(theo Phiếu chuyển trả hồ sơ số 13/PCT-CNVPĐK ngày 16/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ và Công văn số 11/TNMT ngày 11/01/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N về việc chuyển trả các hồ sơ cấp GCNQSDĐ liên quan đến áp dụng quy định của pháp luật và xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất)* và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H đối với thửa đất số 510, tờ bản đồ số 19, diện tích 278,6m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn tại thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 06/01/2024 người khởi kiện bà Phạm Thị H có đơn kháng cáo với nội dung cho rằng Bản án sơ thẩm đã xét xử đối với vụ án trên như vậy là không đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết xét xử lại vụ án theo đúng quy định pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị sửa Bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị H thì thấy;

Năm 2022, bà Phạm Thị H lập thủ tục đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 510, tờ bản đồ số 19 tại thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Ngày 16/5/2023, Chi nhánh Văn phòng Đ ban hành Phiếu chuyển trả hồ sơ số 13/PCT-CNVPĐK trả lại hồ sơ cho bà Phạm Thị H. Không đồng ý với việc trả hồ sơ của Chi nhánh Văn phòng Đ ngày 08/6/2023 bà H khởi kiện Chi nhánh Văn phòng Đ tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Căn cứ Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành, thụ lý giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu hủy Phiếu chuyển trả hồ sơ số 13/PCT-CNVPĐK ngày 16/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ; buộc Văn phòng Đ và Ủy ban nhân dân huyện N tiếp nhận lại hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị H:

Năm 2022, bà Phạm Thị H lập hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 510, tờ bản đồ số 19, diện tích 278,6m^2, loại đất ở nông thôn tại thôn H, xã T, huyện N. Hồ sơ thể hiện, nguồn gốc sử dụng đất là do ông Nguyễn Sơn T1 và bà Phạm Thị H khai hoang để làm nhà ở từ năm 1997; đến năm 2012 ông Nguyễn Sơn T1 chết, bà Phạm Thị H nhận thừa kế quyền sử dụng đất theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế số chứng thực 43/2022.

Theo hồ sơ kê khai, đăng ký đất đai đối với thửa đất số 510, tờ bản đồ số 19 qua các thời kỳ thể hiện:

- Theo hồ sơ 299/TTg xã T thể hiện, tại vị trí xin cấp giấy chứng nhận không có tên bà Phạm Thị H.
- Theo hồ sơ 64/CP xã T được Sở Địa chính tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng phê duyệt ngày 05/10/1995 thể hiện, vị trí thửa đất xin cấp GCNQSDĐ thuộc thửa đất số 104, tờ bản đồ 10, diện tích 4.130m^2, trong đó bà Đoàn Thị K kê khai đăng ký với diện tích 240m^2, loại đất rừng trồng (RT/G); ông Phạm Thanh S kê khai đăng ký với diện tích 884m^2, loại đất rừng trồng (RT/G); phần diện tích còn lại chưa phân phối sử dụng do UBND xã kê khai đăng ký

với diện tích 3.006m^2, loại đất hoang (Hg). Như vậy, ông Nguyễn Sơn T1 và bà Phạm Thị H không có kê khai đăng ký, đứng tên chủ sử dụng đất theo hồ sơ 64/CP tại thửa đất số 104, tờ bản đồ 10.

- Theo hồ sơ cơ sở dữ liệu xã T được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Q phê duyệt ngày 20/11/2015 thể hiện, hộ bà Phạm Thị H đứng tên tại thửa đất số 510, tờ bản đồ số 19, diện tích 327,9m^2, loại đất ONT + CLN.

Tiếp nhận hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của bà Phạm Thị H, UBND xã T thực hiện trình tự, thủ tục liên quan và xác nhận đơn xin cấp GCNQSDĐ vào ngày 12/12/2022. Ngày 22/12/2022, Chi nhánh Văn phòng Đ kiểm tra, xác nhận với nội dung: *"Theo hồ sơ, đủ điều kiện cấp GCNQSDĐ theo khoản 3, khoản 5 Điều 22 Nghị định số 43/2014 và Điều 99 Luật Đất đai năm 2013"*. Theo xác nhận của Chi nhánh Văn phòng Đ thì trường hợp sử dụng đất của bà Phạm Thị H có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01/7/2014.

Tiếp nhận hồ sơ, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N thẩm định hồ sơ. Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các quy định của pháp luật cũng như nội dung xác nhận của Chi nhánh Văn phòng Đ, Phòng T ban hành Công văn số 11/TNMT ngày 11/01/2023 về việc chuyển trả các hồ sơ cấp GCNQSDĐ liên quan đến áp dụng quy định pháp luật và xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất; theo đó, chuyển tra hồ sơ của bà Phạm Thị H cho Chi nhánh Văn phòng Đ đề nghị Chi nhánh Văn phòng Đ phối hợp cùng với các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện việc lập hồ sơ đảm bảo theo quy định pháp luật để trình UBND huyện N xem xét giải quyết cho người sử dụng đất.

Sau khi nhận Công văn số 11/TNMT ngày 11/01/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N cùng hồ sơ kèm theo, ngày 16/5/2023 Chi nhánh Văn phòng Đ ban hành Phiếu chuyển trả hồ sơ số 13/PCT-CNVPĐK chuyển trả hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ cho bà Phạm Thị H.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện trạng sử dụng đất của bà H là đất ở tại nông thôn, có nhà ở trên đất là không đúng với loại đất và mục đích sử dụng đất tại hồ sơ kê khai đăng ký (loại đất Hg), việc sử dụng đất của bà H có vi phạm pháp luật về đất đai (tự ý chuyển mục đích sử dụng đất) quy định tại khoản 3 Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Điều 99 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, hồ sơ của bà Phạm Thị H cần phải được UBND xã T thực hiện việc kiểm tra, xử lý vi phạm hành chính (chiếm đất) trước khi trình hồ sơ đề nghị UBND huyện xem xét cấp GCNQSDĐ cho bà Phạm Thị H theo quy định tại khoản 1, khoản 7 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày

19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai (lấn, chiếm đất). Do đó, ngày 16/5/2023 Chi nhánh Văn phòng Đ ban hành Phiếu chuyển trả hồ sơ số 13/PCT-CNVPĐK chuyển trả hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ cho bà Phạm Thị H để liên hệ với địa phương và cơ quan chức năng của huyện N xử lý và xác lập hồ sơ đảm bảo đầy đủ theo nội dung Công văn số 11/TNMT ngày 11/01/2023 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện N là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Phạm Thị H đối với thửa đất số 510, tờ bản đồ số 19, diện tích 278,6m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn tại thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật:

Hội đồng xét xử xét thấy, như đã phân tích trên, hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H được lập chưa đảm bảo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 và Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ. Việc áp dụng quy định của pháp luật trong cấp GCNQSDĐ có liên quan đến việc xác định nghĩa vụ tài chính đối với người sử dụng đất theo quy định tại Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Do đó, ngày 16/5/2023 Chi nhánh Văn phòng Đ ban hành Phiếu chuyển trả hồ sơ số 13/PCT-CNVPĐK chuyển trả hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ cho bà Phạm Thị H. Hiện nay UBND huyện N chưa nhận được hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà H. Vì vậy, bà Phạm Thị H khởi kiện yêu cầu buộc UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H đối với thửa đất số 510, tờ bản đồ số 19, diện tích 278,6m^2, mục đích sử dụng: đất ở nông thôn tại thôn H, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam theo đúng quy định của pháp luật là không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm người khởi kiện bà Phạm Thị H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là đúng nên không có căn cứ chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Do người khởi kiện bà Phạm Thị H bị bác kháng cáo nên phải chịu án phí theo quy định. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy, người khởi kiện bà

Phạm Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị H. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 202/2023/HC-ST ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 2 Luật người cao tuổi năm 2009; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Miễn nộp tiền án phí hành chính phúc thẩm cho bà Phạm Thị H.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P.HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Thái